

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 91 Công Ty CP Acecook Việt Nam 2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM

Địa chỉ: LÔ SỐ 11-3, ĐƯỜNG SỐ 11, NHÓM CN 11, KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH,
PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Điện thoại: 02838154064 Fax: 02838154067

Email: info@acecookvietnam.com

Mã số doanh nghiệp: 0308080687

Sản phẩm được sản xuất tại các nhà máy của Acecook đã có giấy chứng nhận HACCP

STT	Số giấy CN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ nhà máy sản xuất
1	VNI1000250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ: Lô số 11-3, Đường số 11, nhóm CN 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Kí hiệu nhà máy sản xuất: SG hoặc SG2
2	VNI1000250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ: Khu phố 1B - phường An Phú - thành phố Thuận An - tỉnh Bình Dương. Kí hiệu nhà máy sản xuất: BĐ
3	VNI1000250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ: Đường TS7, Khu công nghiệp Tân Sơn, huyện Tân Du, tỉnh Bắc Ninh. Kí hiệu nhà máy sản xuất: BN
4	VNI1000250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ: Lô A1, Khu Công Nghiệp Văn Phú, Quốc Lộ 1A, xã Hòa Phú, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long. Kí hiệu nhà máy sản xuất: VL
5	VNI1000250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ: Thị trấn Núi Quỳ - huyện Văn Lâm - Hưng Yên. Kí hiệu nhà máy sản xuất: HY
6	VNI1000250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ: Lô D3, đường số 10, khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Kí hiệu nhà máy sản xuất: DN

Mã hồ sơ: SDMTN/06.21

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: MÌ SỐ ĐỒ HƯƠNG VỊ TÔM CHUA CAY

2. Thành phần:

Vật míc: Bột mì, dầu ăn, tinh bột khoai mì, muối, đường, nước mắm, chất điều vị (621), chất ổn định (451(i), 501(i)), chất nhũ hóa (466), chất điều chỉnh độ acid (500(i)), bột nghệ, phẩm màu curcumin tự nhiên, chất chống oxy hóa (320, 321).
Các gia vị: Muối, dầu ăn, đường, chất điều vị (621, 304(ii), 631, 627, 953), các gia vị (tỏi, tiêu, ớt, gừng, ớt bột), chất điều chỉnh độ acid (334, 296), bột tôm 2,29 g/kg, hành lá sấy, nước mắm, tinh bột khoai mì, phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin, curcumin).

Số tiêu chuẩn: 40-21

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

5 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì

Quy cách in ngày sản xuất và hạn sử dụng:

NSX, ngày, tháng, năm, ký hiệu nhà máy sản xuất và thông tin khác tùy từng nhà máy.

Hạn sử dụng: 5 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Qui cách đóng gói và chất liệu bao bì

Qui cách đóng gói:

Khối lượng tịnh 1 gói (g/p gói): 65 g +/- 4,5 g

Số lượng gói/thùng carton: 30 gói/thùng, 100 gói/thùng.

Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đựng trong bao bì cấu trúc phức hợp, cấu trúc lớp trong PP (polypropylene) tiếp xúc an toàn với thực phẩm. Sau đó các sản phẩm được đóng vào thùng carton.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

1. Giới hạn kim loại nặng: phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-2:2011/BYT
1	Cadmium (Cd)	mg/kg	0,2	Mức 2.20
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2	Mức 3.18

Mã hồ sơ: SDMTN/06.21

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-1:2011/BYT
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0	Mức 1.5
2	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	4,0	Mức 1.5
3	Ochratoxin A	µg/kg	3,0	Mức 2.2
4	Deoxynivalenol	µg/kg	750,0	Mức 4.4
5	Zearalenone	µg/kg	75,0	Mức 3.3

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10 ⁶
2	Coliform	cfu/g	10,0
3	E-Coli	mpn/g	3,0
4	Salmon	cfu/g	10,0
5	CL Perfringens	cfu/g	10,0
6	B. cereus	cfu/g	10,0
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/g	10 ⁶

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Độ ẩm vật mĩ	%	10,0

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trẻ	Khoảng dao động ± 20%
1	Giá trị năng lượng	kcal/65 g	290	232 ~ 348
2	Hàm lượng chất béo	g/65 g	11,8	9,4 ~ 14,2
3	Hàm lượng carbohydrate	g/65 g	40,1	32,1 ~ 48,1
4	Hàm lượng chất đạm	g/65 g	5,9	4,7 ~ 7,1

Tp Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2021

 *[Signature]*

KANEDA HIROKI
G/O, ID&I Marketing
General Manager, Marketing Div.

[illegible]



KANEDA HIROKI
Giám đốc Marketing
General Manager, Marketing Div

Mã HS số: SOWTN/06.21



KANEDA HIROKI
Giám đốc Marketing
General Manager, Marketing Div

Mã HS số: SOWTN/06.21